| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 422/2018/DS-ST
Ngày: 08/11/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/TLST-DS ngày 02/4/2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ: Lầu 8, 226 -268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Đức T; Địa chỉ: Lầu 8, 226 -268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 526/2018/UQ-TTT ngày 15/3/2018) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo H, sinh năm 1980; địa chỉ: 39/35/1/17 đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2018, các bản tự khai của nguyên đơn ông Trần Đức Thắng là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 05/08/2014 ông Nguyễn Bảo H có ký với Ngân hàng TMCP T (Sacombank) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là

2,15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54.989.895 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 35.600.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2016 Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sacombank đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.148.968 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 34.148.968 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng (2.15% x 150%) từ ngày Ngân hàng TMCP T chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng TMCP T đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Huynh, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Sacombank, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng TMCP T kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo H .

1. Buộc ông Nguyễn Bảo H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/10/2018 là 70.381.738 (bảy mươi triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi tám) đồng trong đó:

- Nợ gốc : 34.148.968 đồng
- Lãi quá hạn : 36.232.770 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/10/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Ông Nguyễn Bảo H , là bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Bảo H không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần T .

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T và ông Nguyễn Bảo H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là ông Nguyễn Bảo H có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không đến Toà án mà không có lý do dù Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật. Ngày 07/11/2018 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn:

Về khoản nợ gốc: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: Ngày 05/08/2014 ông Nguyễn Bảo H có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54,989,895 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 35.600.000 đồng. Từ ngày 06/02/2016 Ngân hàng

đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đến nay thì ông H không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, do đó đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 24 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định nghĩa vụ của khách hàng: "*Trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng*", xét thấy yêu cầu của ngân hàng về việc buộc bà Ngọc phải thanh toán số tiền gốc 34.148.968 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét về lãi vay: lãi vay và các loại phí đã được các bên thỏa thuận; lãi suất ngân hàng việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 11 của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước); căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng thì chủ thẻ có nghĩa vụ "*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*"; căn cứ vào Điều 23 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng Thương mại cổ phần T ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn "*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng....Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:*

*- Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ số nợ;*

*- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ...*" ; do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc ông H thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 19/10/2018 là 36.232.770 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/10/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như là thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử cho bị đơn để tham gia tố tụng tại

Toà án nhưng ông H không có mặt tại Tòa, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc và nợ lãi được chấp nhận.

Như vậy, tính đến hết ngày 19/10/2018, tổng số tiền ông Nguyễn Bảo H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T là 70.381.738 (bảy mươi triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi tám) đồng trong đó:

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận (70.381.738 đồng) Vì vậy, số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 3.519.000 đồng (ba triệu năm trăm mười chín nghìn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nộp là 1.550.296 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008554 ngày 27/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 11 và Điểm c Khoản 2 Điều 24 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 19 và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T, buộc ông Nguyễn Bảo H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/10/2018 là 70.381.738 (bảy mươi triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm ba mươi tám) đồng trong đó: nợ gốc : 34.148.968 đồng, lãi quá hạn: 36.232.770 đồng

Ông Nguyễn Bảo H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 20/10/2018 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05/08/2014 được ký kết giữa ông Nguyễn Bảo H và Ngân hàng Thương mại cổ phần T .

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bảo H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.519.000 đồng (ba triệu năm trăm mười chín nghìn đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn trả số tiền án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T đã nộp là 1.550.296 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0008554 ngày 27/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 11.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

**Lại Thị Thu Thủy**